

Số: 59/2024/QĐST-DS

Q, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 55/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Khương Đức Thắng – Phó Phòng giao dịch Tân Triều Chi nhánh T2 Trì (Theo Giấy ủy quyền số 52/2024/GUQ-TT ngày 13/7/2023.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985 và chị Đỗ Thị K, sinh năm 1990.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960 (bố anh K).
- + Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963 (mẹ anh K).
- + Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985.
- + Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (em trai anh K).
- + Các cháu: Nguyễn Ngọc Diệp sinh ngày 08/3/2015, Nguyễn Ngọc Minh sinh ngày 22/10/2016 và Nguyễn Ngọc Linh sinh ngày 07/02/2022 (là con của anh K – chị K, do anh chị là người đại diện hợp pháp).

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện đăng ký thường trú tại: Trại Sài, thôn Năm Trại, xã S1, huyện Q, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng anh Nguyễn Văn K – chị Nguyễn Thị K và Ngân hàng TMCP S xác nhận tạm tính đến ngày 23/5/2024, anh K – chị K còn nợ Ngân hàng số tiền 396.984.368đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD1905600043 ngày 27/02/2019 và Giấy nhận nợ số 28022019 ngày 28/02/2019, trong đó:

+ Nợ gốc: 291.152.924đ (Hai trăm chín mươi một triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

+ Nợ lãi trong hạn quá hạn: 83.967.309đ (Tám mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm linh chín đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 13.366.231đ (Mười ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi một đồng).

+ Nợ lãi phạt quá hạn: 8.497.904đ (Tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm linh bốn đồng).

2.2. Kể từ ngày 24/5/2024, anh K – chị K tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1905600043 ngày 27/02/2019 và Giấy nhận nợ số 28022019 ngày 28/02/2019 cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà anh K – chị K phải tiếp tục T2 toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2.3. Anh K – chị K cam kết chậm nhất đến ngày 10/7/2024, anh chị có trách nhiệm T2 toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền 396.984.368đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) nói trên và tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa trả kể từ ngày 24/5/2024 được nêu tại mục 2.2.

2.4. Trường hợp đến thời hạn thỏa thuận là ngày 10/7/2024, nếu anh K – chị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là bất động sản) số LD1905600043/HĐTC ngày 27/02/2019 do Văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội công chứng số 368; quyền số 02.2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2019. Tài sản bảo đảm là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số: 260, tờ bản đồ số: 22, địa chỉ: Thôn Năm Trại, xã S1, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 056040, vào sổ cấp GCN số: 5231QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn T1. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội, chi nhánh huyện Q ngày 27/02/2019.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ T2 toán hết khoản nợ thì anh K – chị K vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng TMCP S.

2.5. Về án phí: anh K và chị K tự nguyện chịu toàn bộ 9.924.000đ (Chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 10.022.000đ (Mười triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019951 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Q, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Số:...../2024/QĐ-SCBSQĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do sơ suất trong quá trình đánh máy trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB). Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị T2 Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc Linh – Chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Giấy ủy quyền số 620/2023/UQ-NCB 01 ngày 11/9/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã S1, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã S1, huyện Q, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Tiến Luyện và vợ Bùi Thị Thắng cùng các con Nguyễn Tiến Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ Duyên. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 8, thôn Phúc Đức, xã S1, huyện Q, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội như sau:

Tại dòng thứ 7 từ dưới lên, trang 3 của quyết định đã ghi: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Mậu - bà Loan còn phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).
- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Tòa án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
- (8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
- (9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án